TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC H - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2026
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC H2 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Duy

2. Ông Phạm Danh Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 475/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 752/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49A/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn B, sinh năm 1969. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 122/41R Bùi Đình T, phường BT, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1969. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp K, xã TĐ, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 29/9/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn B trình bày:***

- Về hôn nhân: Vợ chồng ông kết hôn năm 1997, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã BA, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, vợ chồng ông vừa sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, vừa sinh sống tại ấp K, xã BA, huyện G, tỉnh Tiền Giang; thời gian sau này thì ông bà về sinh sống hẳn tại ấp K, xã BA, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2019 thì ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông bị bệnh tim,

không đi làm được và không có thu nhập nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Bà H còn không xem cha mẹ ông ra gì, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Từ thời điểm đó ông chuyển về nhà cha mẹ ruột của ông tại thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và sống ly thân với bà H cho đến nay. Hiện ông đã chuyển hộ khẩu về địa chỉ 122/41R Bùi Đình T, phường BT, thành phố Hồ Chí Minh, chỉ còn bà H vẫn còn sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại ấp K, xã TĐ, tỉnh Đồng Tháp. Trong khoảng thời gian sống ly thân, vợ chồng ông không trao đổi hàn gắn tình cảm và không ai nói tới ai. Nay ông nhận thấy vợ chồng ông không còn tình cảm với nhau và ông chờ đến khi con gái ông học hết lớp 12, hiện đã vào đại học năm thứ nhất nên ông yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng ông chung sống có 02 con chung tên Nguyễn BN, sinh ngày 04/10/1998 và Nguyễn Thị Huyền C, sinh ngày 05/01/2007 hiện đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn B, ông Nguyễn B được ly hôn với bà Nguyễn Thị Minh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực H2 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của ông B, nhận thấy:

- Vợ chồng ông đám cưới vào năm 1997, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BA, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay thuộc

xã TĐ, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 27/6/2006 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Theo lời trình bày của ông B: Trong thời gian chung sống, vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2019 và sống ly thân đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập bà H nhưng bà không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chồng bà. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như bà H mặc nhiên thừa nhận những mâu thuẫn vợ chồng như ông B đã nêu và điều này cho thấy bà cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng mà bỏ mặc, không quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của ông B, cho ông được ly hôn với bà H là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông bà chung sống có 02 con chung tên Nguyễn BN, sinh ngày 04/10/1998 và Nguyễn Thị Huyền C, sinh ngày 05/01/2007 hiện đều đã trưởng thành; ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông B yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - *Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn B. Cho ông Nguyễn B được ly hôn với bà Nguyễn Thị Minh H.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008163 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên xem như ông đã nộp xong án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND khu vực H2 - ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- UBND xã TĐ, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.